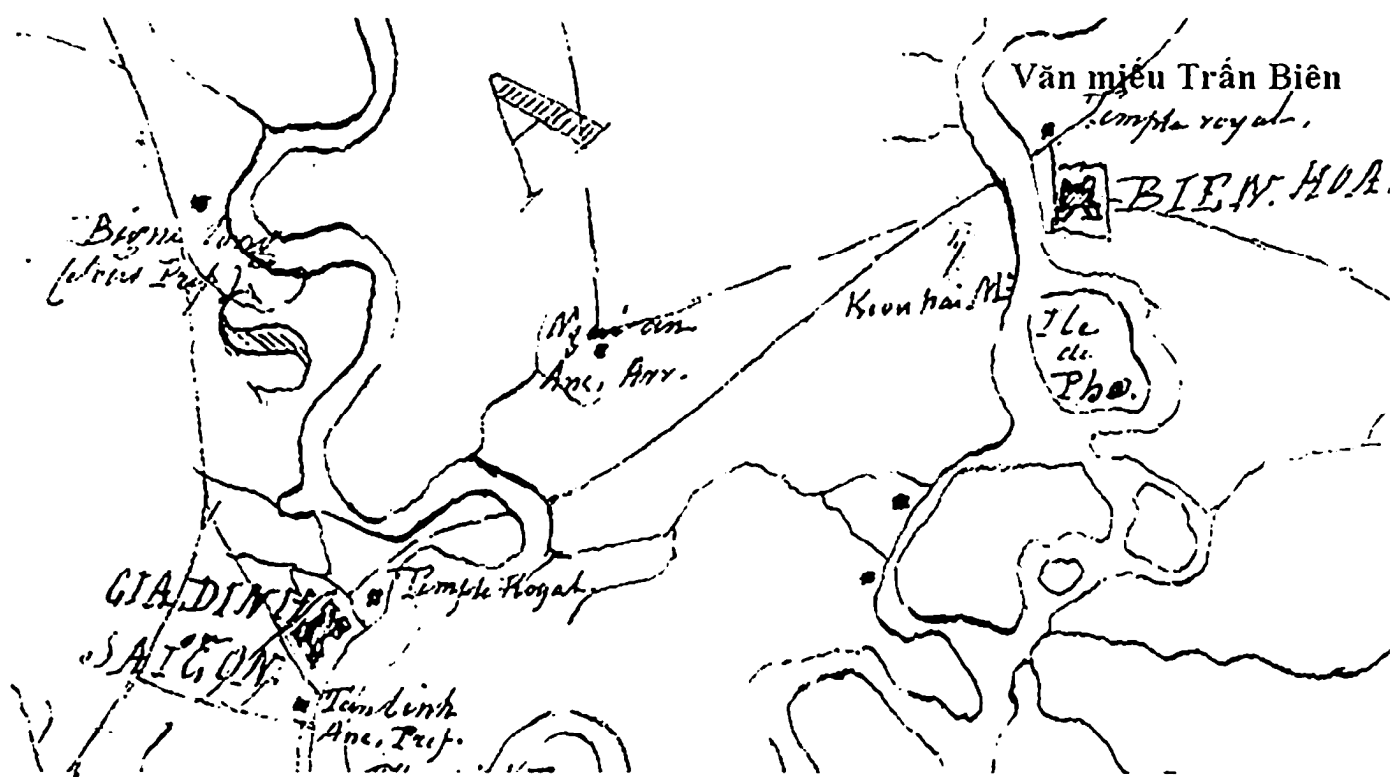
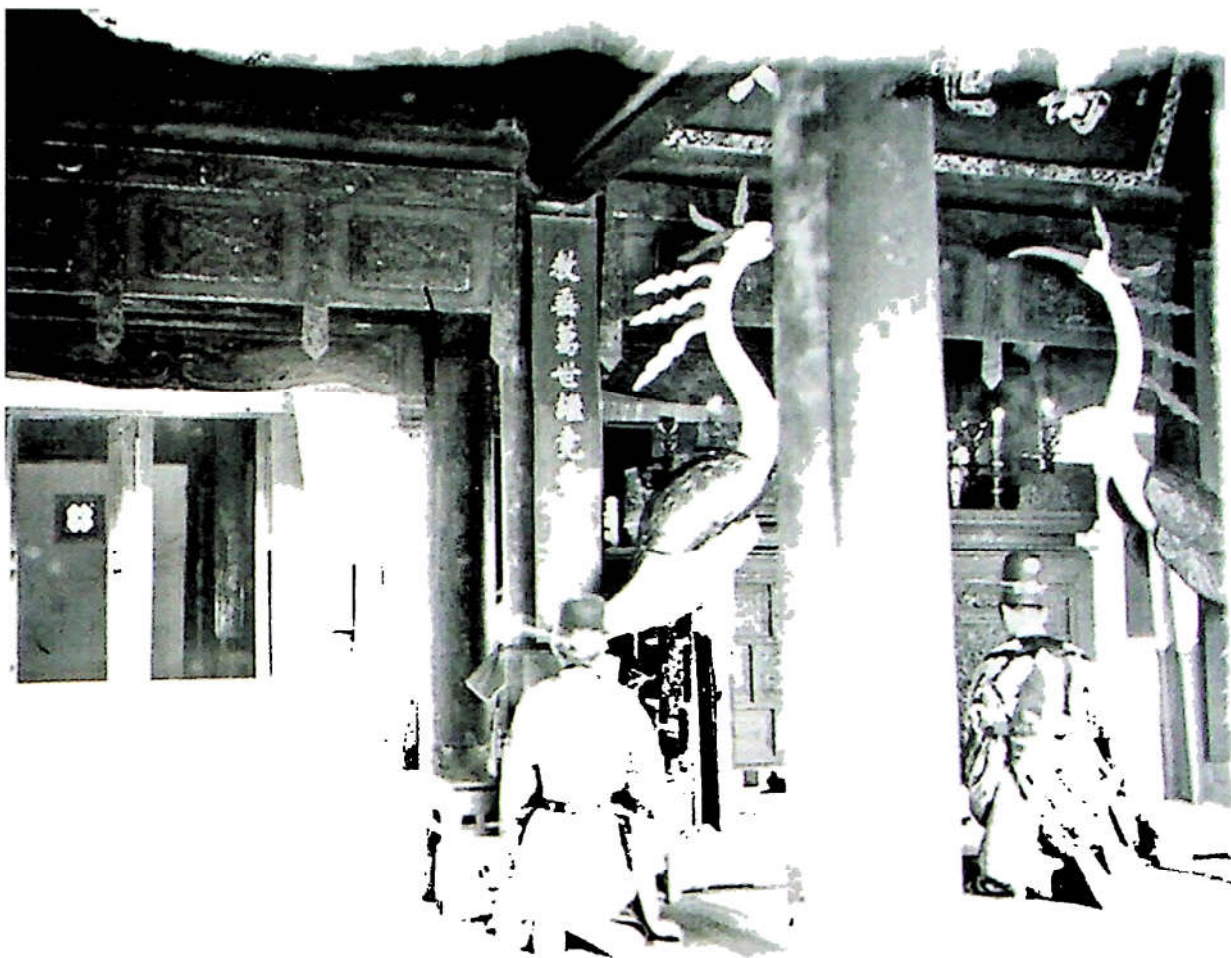


Hữu Cảnh vâng lệnh chúa Nguyễn Phúc Chu vào kinh lược đất phương Nam năm 1698; thành lập phủ Gia Định, đặt dinh Trấn Biên (Biên Hòa) và dinh Phiên Trấn (Sài Gòn); chính thức sáp nhập vùng đất mới này vào lãnh thổ nước ta, làm bàn đạp tiến hành công cuộc nam tiến.



Vị trí Văn miếu Trấn Biên trên bản đồ 1860 *Carte de la province de Saigon comprenant six départements* (<https://www.flickr.com/photos/13476480@N07/>)

Văn miếu xưa kia được xây dựng tại thôn Tân Lại, tổng Phước Vinh, huyện Phước Chánh (nay là khu vực chùa Phở Hiền, khu phố III, phường Bửu Long). Văn miếu nằm ở phía Tây tỉnh thành cách độ 2 dặm. Lúc ấy nơi đây dân cư ổn định, người Việt làm ruộng lúa, trồng mía sống chung với người Hoa (theo chân đô đốc Trần Thượng Xuyên đến từ năm 1679) làm nghề khai thác chế tác đá, rèn



*Văn miếu xưa - Vạn thế sư biểu (nguồn weibo.com)*

đúc công cụ sản xuất, làm gốm, lò gạch (phường Bạch Khôi, núi Lò Gạch - Long Sơn), làm rẫy trồng các loại rau, cải, củ... (giống được mang đi từ cố hương).

Văn miếu nằm trên cuộc đất phong thủy tuyệt đẹp: Mặt tiền (tiền đường) hướng Nam nhìn ra ra sông Phước Long (sông Đồng Nai), mặt hậu (hậu chẩm) có Long Sơn (núi Long Ân) cảnh đẹp thanh tú, cỏ cây tươi tốt... Để đến Văn miếu bằng đường sông còn dấu vết bến đò Văn Thánh năm xưa, nay là đoạn bờ sông

gần chùa Long Ân (nơi đây hàng năm vẫn tiến hành tục Tổng phong của dân làng Tân Lại). Bên trong miếu, cột kèo liễn đối gỗ tốt, chạm khắc tinh xảo, khuôn viên hoa cỏ, cây trái sum suê xinh tốt.

Năm 1794, sau khi làm chủ miền Nam, chúa Nguyễn Ánh sai quan Lễ bộ là Nguyễn Đô trùng tu Văn miếu. Đến năm 1852, vua Tự Đức cho đại tu bổ Văn miếu Trấn Biên; theo điển lệ chung của triều đình về quy cách Văn miếu ở các tỉnh. Theo đó, Văn miếu Trấn Biên gồm các công trình như:



*Chùa Phổ Hiền 1960s- nằm cạnh khu vực Văn miếu Trấn Biên xưa (nguồn internet)*

- Văn Thánh miếu: Chính đường, tiền đường đều 5 gian; hai bên trái, phải đều có 2 dãy nhà 5 gian, mặt tiền treo biển hiệu “Văn miếu điện”.

- Khải Thánh miếu (thờ Thúc Lương Ngột - Nhan Thị là cha mẹ của Khổng Tử): Chính đường, Tiền đường (ngang) đều 3 gian 2 chái, mặt tiền treo biển “Khải thánh từ”.

- Khuê văn các cao hai tầng, 3 gian 2 chái.

- Một kho chứa đồ thờ 3 gian.

Bài vị trong miếu đều chiếu theo thể thức, kiểu mẫu chung do triều đình quy định (không thờ ngẫu tượng). Gian giữa của chính đường thờ bài vị chính: Chí thánh Tiên sư Khổng Tử.

- Gian thứ nhất thờ các vị phối hưởng là 4 học trò xuất sắc của Đức Khổng Tử là: Nhan Tử, Tăng Tử, Tử Tư và Mạnh Tử; xây bệ gạch, trên bệ có cỗ khám, trang gỗ để bài vị.

- Gian thứ hai thờ 12 vị tiên triết: Mẫn Tôn, Nhiễm Canh, Nhiễm Ung, Tê Dư, Đoan Mộc Tứ, Nhiễm Cầu, Trọng Do, Ngôn Yên, Bốc Thương, Chuyên Tôn Sư, Hữu Nhược và Chu Hi.

- Gian thứ ba ở phía trước, thờ các vị tiên hiền: những người đầu tiên có công khai khẩn, khai canh xứ Trấn Biên.

- Hai gian chái thờ các vị tiên nho: Những người khoa cử, học vị, người có công truyền dạy, phát triển văn hóa cho địa phương; tất cả bài vị đều đặt trên bệ xây gạch.

Hàng năm theo lệ ban của triều đình, tế lớn hai lần vào tháng trọng xuân và tháng trọng thu (tháng thứ 2 của mùa xuân và tháng thứ 2 của mùa thu). Bàn thờ chính cúng tam sinh (trâu, dê, heo) và xôi, quả phẩm 3 mâm. Các vị phối hưởng, lễ dùng 2 heo, 4 mâm xôi, quả phẩm 8 mâm. Các vị tiên triết, lễ dùng 1 heo, 2 mâm xôi, 4 mâm quả phẩm. Mười án thờ tiên hiền, tiên nho thì dùng 5 con heo, xôi 20 mâm, 10 mâm quả phẩm, chia nhau dâng cúng.



*Nhà thờ Đức Khổng tử - Văn miếu Trấn Biên 2016 (ảnh Lê Ngọc Quốc)*

Trước năm 1802, hằng năm đích thân chúa Nguyễn Ánh đến hành lễ hai lần vào mùa xuân và mùa thu. Nhưng từ khi chúa Nguyễn lên ngôi ở Huế, thì quan



*Nhà Đại Bái - Văn miếu Trấn Biên 2016 (ảnh Lê Ngọc Quốc)*

tổng trấn thành Gia Định, hoặc các quan viên đứng đầu tỉnh nhà, thay mặt vua đến hành lễ long trọng.

Sau gần 150 năm hình thành và phát triển, Văn miếu Trấn Biên bị suy tàn sau khi Nam Bộ bị Pháp xâm lược. Nhân dịp kỷ niệm 300 năm hình thành và phát triển vùng đất Trấn Biên - Biên Hòa; tỉnh Đồng Nai đã khởi công xây dựng khu Văn miếu Trấn Biên tại phường Bửu Long, công trình được khánh thành vào ngày 14-02-2002 với tổng diện tích gần 15.000m<sup>2</sup>, trong đó khu trung tâm rộng khoảng 2.000m<sup>2</sup>. Công trình với quy mô hoành tráng, to đẹp với mục đích tái tạo di tích văn hóa của tiền nhân; bảo lưu, truyền thừa, phát huy tinh thần tôn sư trọng đạo;

gìn giữ và tôn vinh các giá trị văn hóa - giáo dục của vùng đất địa đầu - Trấn Biên oai hùng năm xưa.

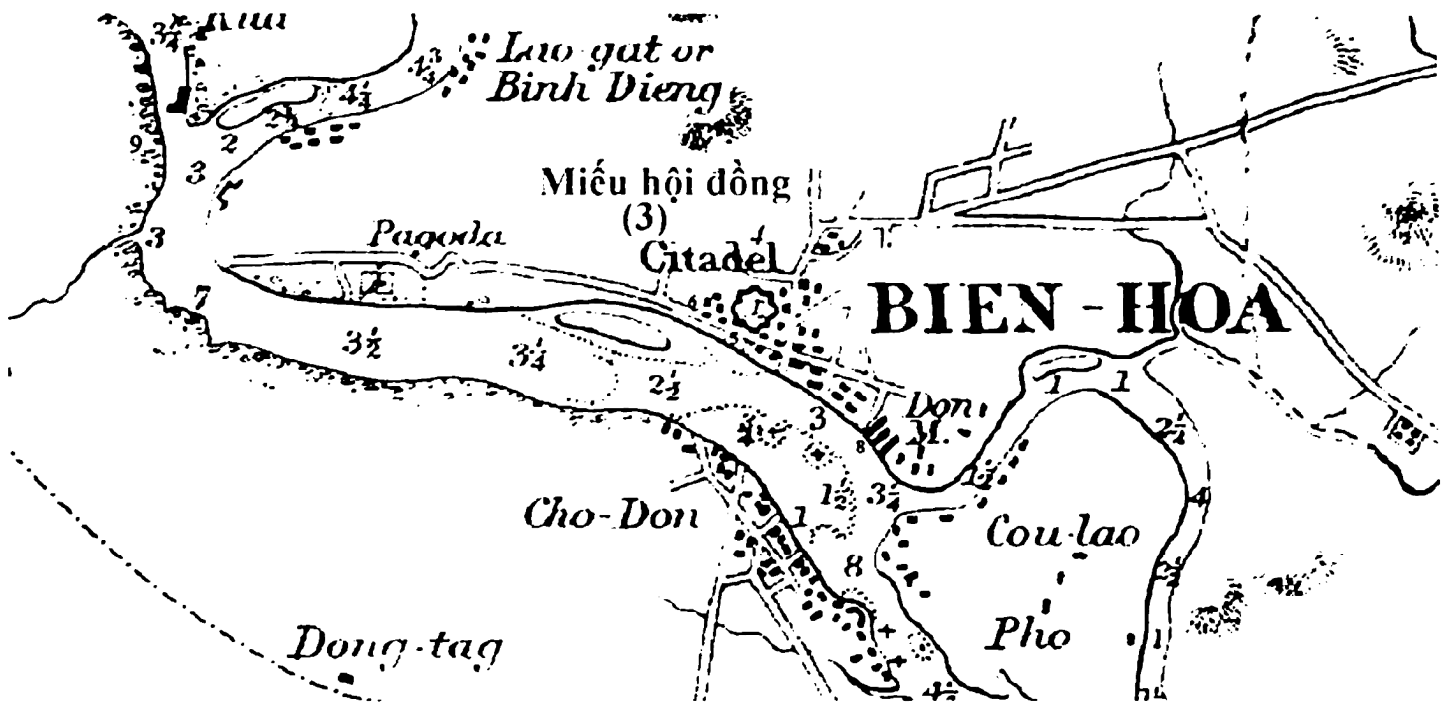
Văn miếu Trấn Biên ngày nay được phục dựng là một công trình kiến trúc nghệ thuật đặc sắc, là trung tâm sinh hoạt văn hóa - giáo dục. Nơi đây đón tiếp nhiều tầng lớp nhân dân trong và ngoài tỉnh đến tham quan. Là nơi tổ chức nhiều loại hình hoạt động cộng đồng. Hàng năm, Trung tâm Văn miếu Trấn Biên tổ chức hội hoa xuân, đường hoa, vườn tượng, biểu diễn nghệ thuật, giao lưu văn hóa văn nghệ như: biểu diễn âm nhạc dân tộc, đờn ca tài tử của các đoàn nghệ thuật, chương trình xiếc, ảo thuật; giao lưu các ban nhạc trẻ, ca sĩ, nghệ sĩ nổi tiếng.

Ngày 18 tháng 8 năm 2016, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có quyết định về việc xếp hạng cấp Quốc gia di tích lịch sử Văn miếu Trấn Biên (phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai). Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nhằm phát huy những giá trị văn hóa, khẳng định vị thế của Văn miếu Trấn Biên trong đời sống tinh thần của người dân Đồng Nai và vùng đất Nam Bộ.

### ***Miếu Hội đồng***

Miếu Hội đồng là thiết chế thờ tự quan trọng ở cấp tỉnh, đứng sau Văn miếu do triều đình quản lý. Các vị thần được thờ tại miếu Hội đồng được triều đình chuẩn cấp bằng sắc phong. Hàng năm, các quan đầu tỉnh thay mặt triều đình đến tế, theo điển lễ.

Năm 1803 vua Gia Long chuẩn y lời đề nghị cho lập một miếu Hội đồng ở phía Tây Bắc các li sở dinh trấn trong toàn quốc, miếu nhìn về hướng Nam, chính đường tiền đường đều 1 gian 2 chái. Năm 1825 vua Minh Mạng lại chuẩn y lời đề nghị của bộ công về quy chuẩn xây dựng miếu Hội đồng cho cả nước: Chính đường, tiền đường đều 3 gian, 2 chái, mái thêm đằng trước hợp làm một tòa. Kích



*Vị trí giả định miếu Hội đồng (nay là Phước Kiến Nghĩa từ) - Lê Ngọc Quốc;  
trên bản đồ 1860 Carte de la province de Saigon comprenant six départements  
(<https://www.flickr.com/photos/13476480@N07/>)*

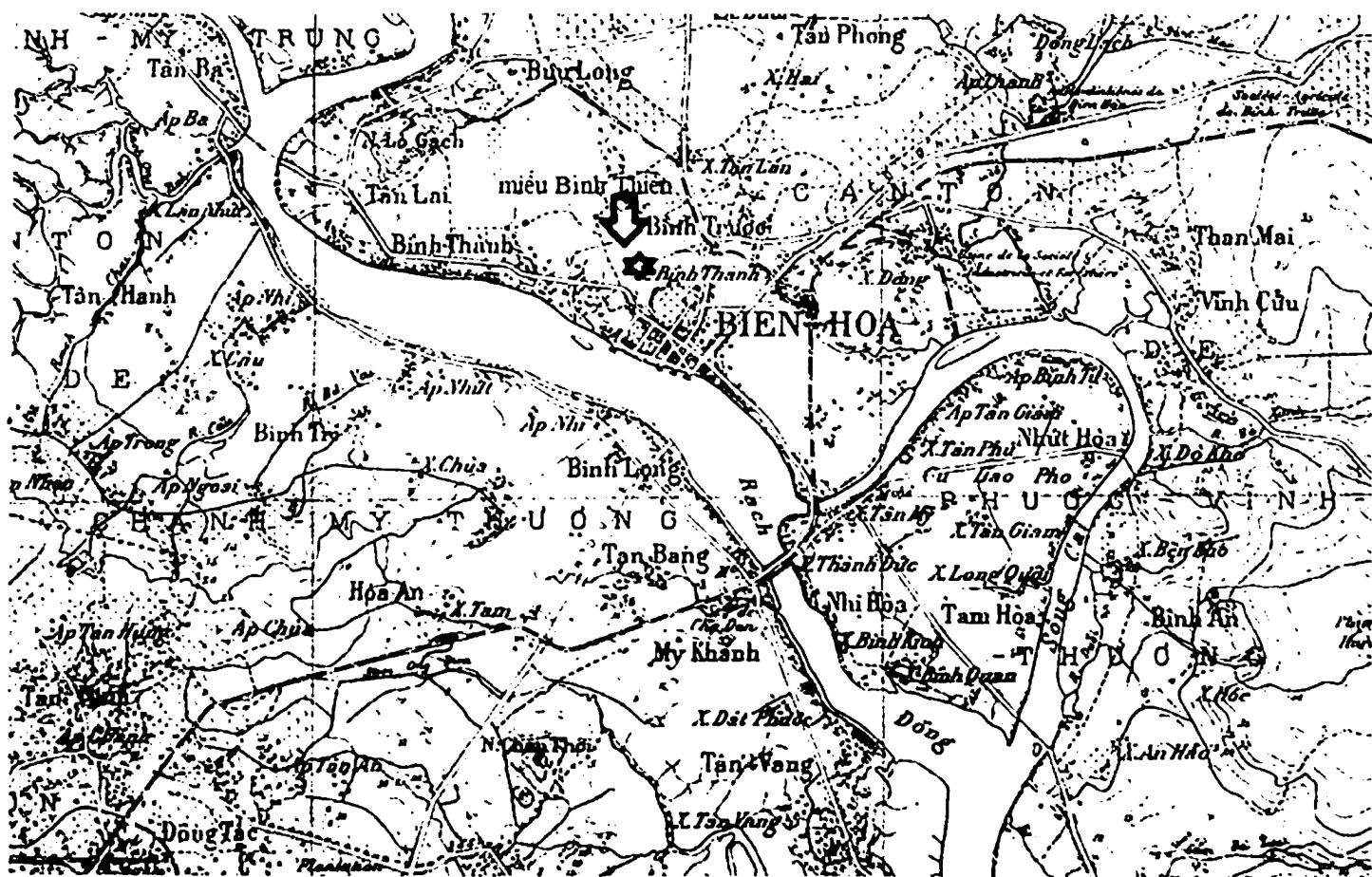
thước ngang, dọc, chiều cao cột chính, cột phụ... nhất tề đều theo quy chuẩn của triều đình.

Miếu Hội đồng Biên Hòa được xây dựng sớm ở Nam Bộ (1801) chỉ sau Gia Định (1795). Đây là thiết chế tín ngưỡng văn hóa quan trọng của triều đình, đến trước thời điểm Pháp xâm lược nước ta, từ phủ Thừa Thiên đến 2 đạo Hà Tĩnh, Phú Yên và 26 tỉnh từ bắc chí nam đều được cho xây dựng miếu Hội đồng, riêng chỉ có tỉnh An Giang là chưa dựng. Theo thiết chế, điển lệ chung của triều đình, Miếu Hội đồng Biên Hòa nơi đây thờ: Thượng, trung, hạ đẳng dương thần, âm thần, nhiên thần, nhân thần; Thổ địa long thần, Hà bá thủy quan; Tiên sư thổ công,



Táo quân trụ trách... và 68 quan văn võ có công với nước. Đây là hệ thống thần linh ở địa phương, gồm có những biểu tượng văn hóa, những biểu tượng khí thiêng sông núi. Nếu là nhân thần thì cũng là những danh nhân lúc còn sống có công với dân tộc, có công với địa phương.

Hàng năm theo lệ ban của triều đình, tế lớn hai lần vào tháng trọng xuân và tháng trọng thu (tháng thứ 2 của mùa xuân và tháng thứ 2 của mùa thu). Trước kia nằm ở phía Tây tỉnh thành, thuộc địa phận thôn Bình Thành (Bình Thiên), đến năm 1809 dời về địa điểm hiện tại, năm 1849 cho tu sửa lại.



Vị trí miếu Bình Thiên trên bản đồ Biên Hòa 1926 (nguồn internet)



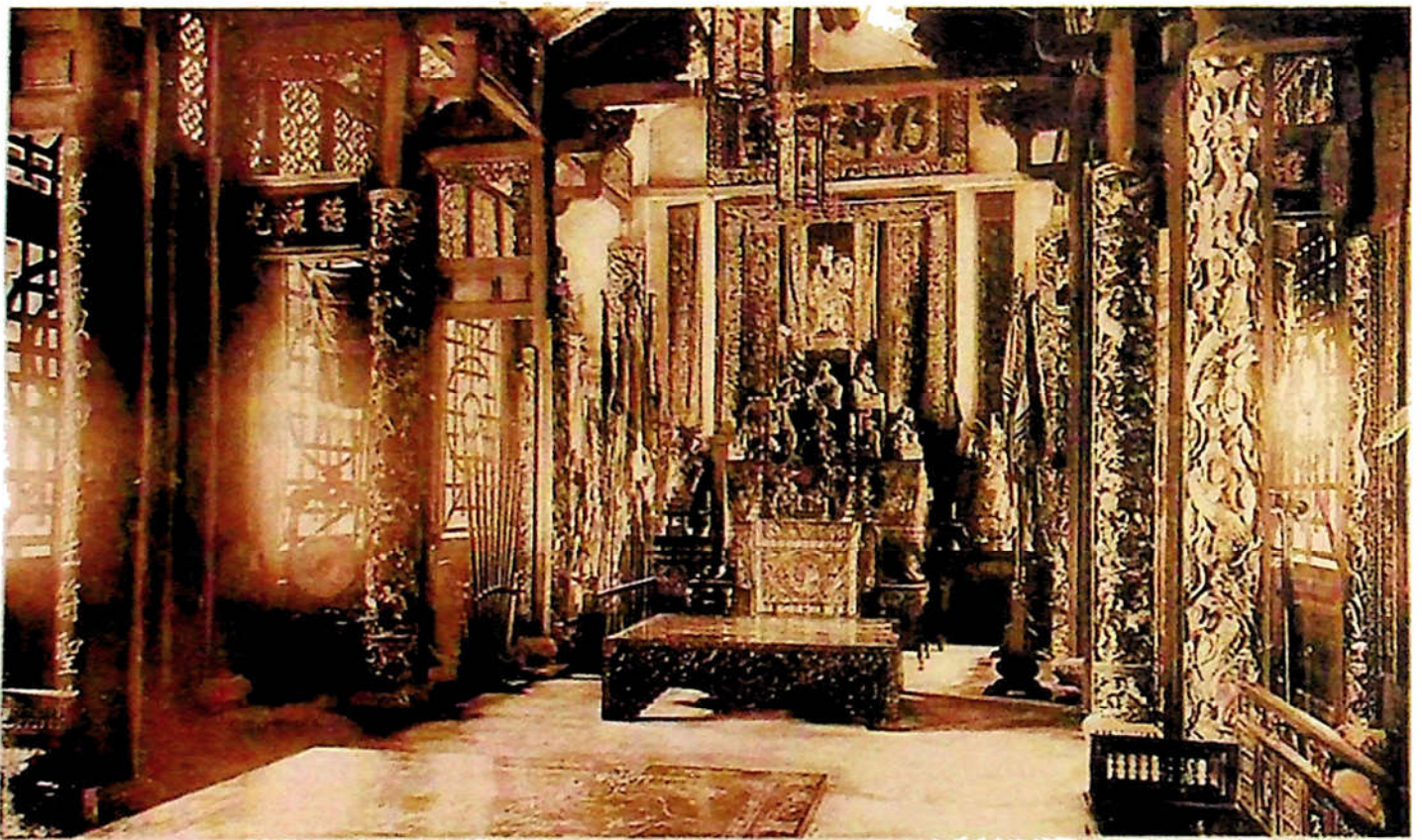
*Miếu Hội đồng Gia Định xưa (nguồn internet)*

Địa bạ Minh Mạng năm 1836 chép:

*Bình Thành thôn, ở xứ Thành Tự (Chùa Thành). Đông giáp phường Bình Trúc (Bình Trước), thôn Tân Lâm, tây giáp địa phận thôn Tân Lại, nam giáp địa phận thôn Tân Lâm, bắc giáp thôn Bình Điện (Phước Vinh Trung).*

*- Thực canh ruộng đất 32.7.2.9: Điền tô điền 15.2.8.2 (29 sớ chủ, BTĐC 0.1.1.7-0.1.0.0 và sự tăng chùa Bửu Sơn đồng canh 0.7.0.0). Đất trồng dâu, mía 17.4.9.7 (71 sớ)*

- Đất để ở 1.0.0.0
- Mộ địa 1 khoảnh.
- Đất gò đồi hoang một khoảnh.
- Đất lập Miếu Hội Đồng 1 sớ.
- Đất lập Đàn Xã Tắc 1 sớ.



120. - Intérieur de la Maison Commune de Bienhoa (Quartier des Rues Indigènes)  
Exposition Coloniale de Marseille (1922)

*Có thể là không gian nội thất của miếu Hội đồng Biên Hòa tại Đẩu Xảo tại  
Marseille - Pháp, 1922 (nguồn ảnh internet)*



*Miếu Bình Thiên - Đình Trung 2016 (ảnh Lê Ngọc Quốc)*

Sau biến cố tháng 12 năm 1861, Thành Biên Hòa rơi vào tay thực dân Pháp. Ngày 5 tháng 6 năm 1862, hiệp ước Hiệp ước Nhâm Tuất được ký kết giữa triều đình Huế và đế quốc Pháp, theo đó triều đình nhượng 3 tỉnh miền Đông Nam kỳ là Gia Định, Biên Hòa và Định Tường cho Pháp. Kể từ đây, các thiết chế cơ sở văn hóa tín ngưỡng tại Biên Hòa như: Văn miếu, miếu hội đồng, đàn xã tắc, tiên nông, đền trung tiết... không còn sự quản lý, điều động, cấp phát nhân lực, tài lực của triều đình nữa! Một thời gian sau, không rõ vào khi nào, miếu Hội đồng Biên Hòa đổi thành miếu Bình Thiên (Bình Thành), dân gian gọi là đình Trung; thuộc sự quản lý của làng Bình Thành (nay thuộc khu phố 4, phường Quang Vinh).

Ngày nay, mọi dấu vết thờ tự thời miếu hội đồng đã xóa sạch. Đối tượng thờ chính tại đình Bình Thiên là Đương cảnh Thành hoàng Đại vương. Có sự khác biệt là 2 bên chánh điện không thờ tả ban, hữu ban như đa số đình khác, mà ta thấy là ban thờ Thần Nông và Thánh Mẫu nương nương. Hàng năm còn giữ lệ cúng vào các ngày 15, 16 và 17 tháng 10 âm lịch với đầy đủ các lễ: Thỉnh sắc chu du, tụng kinh cầu an, túc yết, xây châu đại bộ, cúng tiên sư hậu bối, lễ thỉnh sanh, đàn cả; qua ngày 17 lễ Tôn vương cuối cùng là lễ tất. Hàng năm đến lễ cúng, dân trong làng đến viếng rất đông đảo, họ đến để cầu mong an khang thịnh vượng cho gia đình, làng xóm; đình có diễn hát các tuồng cổ phục vụ miễn phí cho bá tánh trong suốt 3 ngày lễ hội.

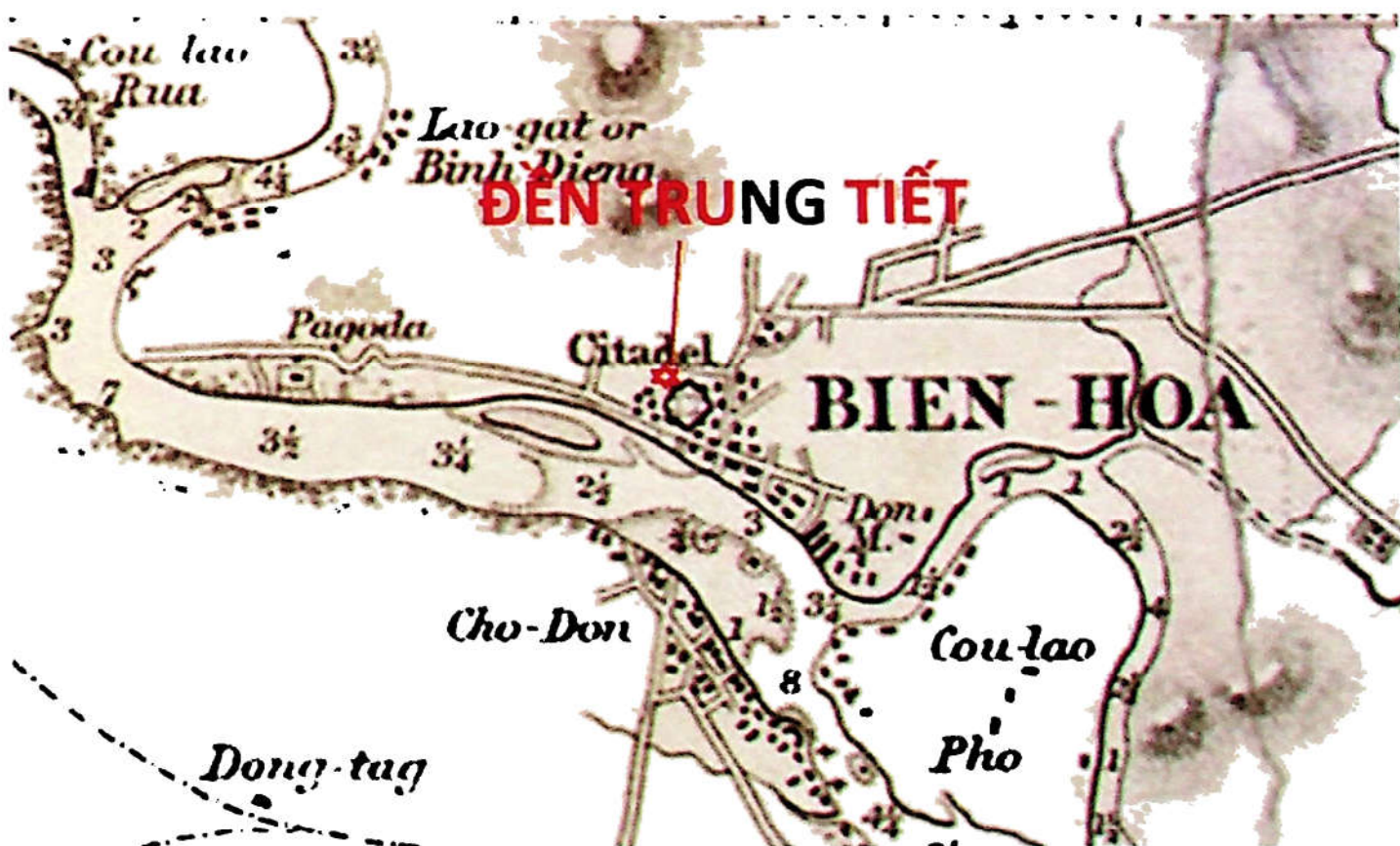


*Lễ hội cúng Đình Bình Thiên, 2 ngày 16 - 17 tháng 10 âm lịch  
(ảnh Lê Ngọc Quốc)*

## *Đền Trung Tiết (Trận Vong Hương sĩ)*

Đàng Trong có một nét đặc biệt khác hơn Đàng Ngoài, là được nhà Nguyễn cho xây dựng nhiều miếu thờ các vị công thần mất trong công cuộc phục hưng, trấn áp, tiểu phạt và phát triển bờ cõi vương triều. Ở kinh sư (Huế) có nhiều miếu/đền trung tiết như:

- Miếu Trung hưng công thần xây dựng năm 1810 lúc đầu thờ An biên quận vương Tôn Thất Mân, Hoài quốc công Võ Tánh trở xuống tổng cộng



*Vị trí giả định Đền Trung Tiết xưa trên bản đồ 1860  
Carte de la province de Saigon comprenant six départements  
(<https://www.flickr.com/photos/13476480@N07/>)*

258 người. Đến năm 1814 thờ thêm 2 vị là Chương trung quân quận công Nguyễn Văn Trương, Chương thần võ quân quận công Phạm Văn Nhân. Năm 1822 thêm vào 4 vị là Đô thống chế quận công Nguyễn Văn Khiêm, Chương tượng quân quận công Nguyễn Đức Xuyên, Chương dinh Vũ Văn Lượng và Nguyễn Đình Đắc. Năm 1851 lại thờ thêm 8 vị là: Đặng Đức Siêu, Lê Quang Định, Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tĩnh, Nguyễn Đình Đức, Phạm Đăng Hưng, Trương Tiến Bảo và Nguyễn Văn Hiếu. Hàng năm có 2 lễ tế vào mùa xuân và mùa thu, sau lễ tế của đàn xã tắc ở kinh sư.



*Đền Trung Tiêt được di dời năm 1952, nay đổi tên là miếu Bình Hòa tại phường Quang Vinh - Biên Hòa (ảnh Lê Ngọc Quốc, 2016).*

- Miếu Trung tiết công thần xây năm 1820 thờ từ Chương dinh Nguyễn Hữu Thụy (Thoại) và Hữu quân Nguyễn Cửu Dật trở xuống cộng 114 người. Năm 1825 thờ thêm Cai cơ Nguyễn Khoa Kiên.

Năm 1846, vua Thiệu Trị xuống dụ: *Trước kia bài vị ở miếu làm tổng quát, chưa kê rõ tên tuổi, quan hàm, nay chuẩn cho tu chỉnh lại tên và thứ bậc trong sổ sách cũ thời vua Gia Long, bài vị dùng đá hoa cương Quảng Nam, khắc chữ thờ tự.*

Hàng năm có 2 lễ tế vào tháng giữa mùa xuân và tháng giữa mùa thu, sau lễ tế của miếu Trung hưng công thần ở kinh sư 2 ngày. Trong dịp này hợp tế có đàn Ân tự nằm bên trái miếu Trung hưng công thần.

- Đền Hiền Lương (1858) thờ Cầm chánh đại học sĩ Trịnh Hoài Đức (người gốc Biên Hòa) và Quốc công Phạm Đăng Hưng và các quan văn võ tổng cộng 39 người, hằng năm tế 2 lễ vào tháng giữa mùa xuân và tháng giữa mùa thu (Phạm Đăng Hưng là cha của bà Từ Dụ - mẹ vua Tự Đức)



*Lễ cúng Kỳ yên ngày 16 và 17 tháng 8 âm lịch tại miếu Bình Hòa.*



- Đền Trung nghĩa nằm hướng Đông Nam sông Hương, bên bờ đối mặt trước kinh thành, xây dựng năm 1858 thờ thống chế Lê Mậu Cúc (Phò mã đô úy - trấn thủ Sơn nam hạ, chết trong trận đánh quân khởi nghĩa Phan Bá Vành) và Nguyễn Văn Thận cùng tướng sĩ thuộc quyền tổng cộng 464 người (năm 1878, đưa vào thờ thêm: Chương quốc sữ Lê Đình Lí, Đông các Trương Quốc Dụng gồm 1.540 người). Hằng năm tế 2 lễ vào tháng giữa mùa xuân và tháng giữa mùa thu.

\* Ở Bình Định có Đền Chiêu Trưng ở thôn Nam Định, phía Bắc huyện Tuy Viễn thuộc thành Bình Định xưa. Xây dựng năm 1801, ngay tại nền lầu Bát Giác, nơi Võ Tánh tự thiêu sau khi dâng thành cho tướng Tây Sơn là Trần Quang Diệu và Vũ Văn Dũng. Ban đầu gọi là Đền lầu Bát giác, thờ Võ Tánh, Ngô Tùng Châu



*Miếu Bình Hòa được trùng tu năm 2019 (ảnh Lê Ngọc Quốc).*



*Hoành phi trong miếu Bình Hòa (ảnh Lê Ngọc Quốc, 2016).*

(Ninh Hòa quận công Ngô Tùng Châu uống thuốc độc tử tiết chết trước Võ Tánh). Năm 1851 cho đổi tên là Đền Chiêu Trưng. Phía sau đền có mộ Võ Tánh, Ngô Tùng Châu và mộ của đội trưởng Nguyễn Thận (Nguyễn Thận là người thấy Võ Tánh tự thiêu liền cảm khái nhảy vào tòa lầu Bát Giác đang bốc cháy, chết theo chủ tướng cùng người lão bộc và người ái thiếp của Võ Tánh). Tổng cộng có 260 vị được thờ tại đây.

\* Tỉnh Gia Định có Đền Hiền Trưng dựng năm 1795, ở thôn Tân Triêm huyện Bình Dương (nay thuộc khu vực giao lộ Nguyễn Trãi - Nguyễn Cư Trinh, quận I thành phố Hồ Chí Minh). Đền nằm về bên phải thành Quy; thờ các công

thần thời Trung hưng, tu bổ năm 1804 đến năm 1845 cho tu bổ lần thứ hai. Nơi đây thờ: Hậu quân quốc công Võ Tánh, Thái sư quận công Ngô Tùng Châu, Chương doanh quận công Chu Văn Tiếp, Tiền quân quận công Tôn Thất Hội... Đặc biệt có cả một quân nhân người Pháp là Chương vệ Mạnh Hòe (Manuel - người theo giúp Nguyễn Ánh từ những năm đầu trung hưng, trong trận chiến với Tây Sơn tại Thất Giang, cửa biển Cần Giờ năm 1782, ông tử trận và được truy phong Hiệp nghĩa công thần phụ quốc thượng tướng quân). Tổng cộng có 1.015 người được thờ trong đền Hiền Trung - Gia Định.



*Cổng miếu Bình Hòa ở phường Quang Vinh, Biên Hòa (ảnh Lê Ngọc Quốc, 2016)*

Năm 1846 vua Thiệu Trị xuống dụ:

*“Trước kia đã có biển bài vị, nay giao cho các quan địa phương sở tại làm bằng gỗ cứng hoặc bằng đá hoa cương, làm thành bài vị dài, chiều theo hàng tên kê trước, khắc chữ để thờ, nhằm tỏ ý nghĩa tên tuổi còn mãi ở sử sách”.*

Đền Trung tiết ở Thành Biên Hòa xưa thuộc ấp Bình Thành, địa phận tỉnh lỵ Biên Hòa (nay là phường Quang Vinh). Nhà nghiên cứu Lương Văn Lựu có ghi:

*Miếu Bình Hòa (Xóm chùa cô hồn, cuối đường Phan Đình Phùng- phường Quang Vinh) nguyên là Đền Trung tiết, thiết lập từ năm Minh Mạng thứ 18 (1837), phụng tự 7 công thần đã tử trận khi chống nhau với binh của Lê Văn Khôi năm 1833, sau khi sự hình, được Vua chuẩn cho Quan trấn thủ đến bài tế hằng năm (ngày 16 và 17 tháng 08 âm lịch). Thờ:*

*1- Lãnh binh Bình Thuận gia hàm chương - cơ Lê Văn Nghĩa*

*2- Võ lâm hậu - nhị vệ - úy tặg chương - cơ Phan Văn Song*

*3- Tả - dục hữu - nhứt - vệ Phó vệ - úy Trần Văn Du.*

*4- Định - dũg quân - cơ Đặng Văn Quyến.*

*5- Phú - trắg Thuận Nghĩa, Biên Hùng tam cơ, Phó quân cơ: Trần Văn Thiều - Nguyễn Văn Lý - Ngô Văn Hóa<sup>1</sup>.*

Vậy theo trên, ta biết Đền Trung tiết sau khi dời về xóm chùa Cô Hồn, đường Phan Đình Phùng, thì đổi tên là Miếu Bình Hòa (vì nằm trên thôn Bình Hòa). Trong Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ của Triều Nguyễn<sup>2</sup> ghi:

---

1 Biên Hòa sử lược toàn biên - Lương Văn Lựu. Tập I, Trấn Biên cổ kính, tr105.

2 Quyển 91 trang 303 ~ 304

”... Năm ấy Nguy Khôi gây phiến loạn, tỉnh Biên Hòa bị mất khi đại binh chưa kịp đến; quan quân các tỉnh hội lại đánh nhau kịch liệt với quân giặc, trong đó có bọn lãnh binh Lê Văn Nghĩa, hết lòng chống giặc, bị chết tại trận; được dụ chuẩn cho hậu tặng tuất và chọn cho chỗ làm đàn tế lễ; lại chuẩn cho làm đền, hàng năm đến tế một lần”.

Năm Minh Mạng thứ 18 (1837), việc dẹp giặc đã yên, quan tỉnh tâu lên và được chuẩn cho làm Đền ở phía Tây thành tỉnh Biên Hòa gọi là đền “Trận vong hướng sĩ”, hàng năm tế một lần. Khi tế lấy giấy làm bài vị thần linh viết rõ chức hàm họ tên... tất cả 7 người. Hàng dưới là quân lính chết trận. Lễ phẩm bằng bò, lợn, mâm xôi đều một; quân lính hàng dưới lại dùng hai mâm xôi đậu, 1 con lợn. là cỗ để bày lễ, vàng bạc, tiền giấy, hương nến, trầu rượu đủ cả”.

Như vậy, khởi thủy đền Trung tiết có tên là Trận Vong Hướng Sĩ (陣忘向士). Được dựng lên để thờ các tướng sĩ thuộc Thành Biên Hòa, chết trong các trận chiến với cuộc khởi loạn của Lê Văn Khôi chiếm thành Phiên An (Gia Định - Sài Gòn) từ ngày 05/07/1833 đến 08/09/1835.

Sử chép: Minh Mạng năm thứ 14 tháng 5, ngày 18 năm Quý Tị (05/07/1833); vào lúc canh ba Phó vệ - Vệ Minh nghĩa Lê Văn Khôi, con nuôi của Tả Quân Lê Văn Duyệt (nguyên Tổng trấn thành Gia Định, mất năm 1832 - NV), đã cùng các thuộc tướng, bộ hạ nổi dậy, chiếm lấy thành Phiên An. Được tin cấp báo của Phó lãnh binh thành Phiên An là Giã Tiến Chiêm gửi đến, Tuần phủ quan phòng Biên Hòa là Vũ Hữu Quýnh, cùng Niết ti (án sát) Lê Văn Lễ đã điều ngay biên binh, cùng các cơ Biên Hùng, Biên Hòa, Biên Uy tất cả là 154 người, do Quán cơ Biên Hùng Trần Văn Khánh thống lãnh tiến đến thành Phiên An hộ chiến, trải hơn hai

năm chiến sự, đến tháng 7, ngày 16 năm Ất Mùi (08/09/1835), quân triều đình đã chiếm lại thành Phiên An...

Năm 1837 Vua Minh Mạng lệnh cho quan đầu tỉnh Biên Hòa lập đền Trần Vong Hương Sĩ, hàng năm cúng tế các tướng - sĩ Thành Biên Hòa đã bỏ mình trong trận giặc ấy! Vị trí đền nằm ở hướng Tây thành tỉnh Biên Hòa (theo quy định xưa, trước thành là hướng Nam và bên phải là hướng Tây). Theo hồi cố của nhân chứng<sup>1</sup>: “... năm 1952 người Pháp có nhu cầu mở rộng sân bay Biên Hòa đã cho giải tỏa trắng, đình Tân Phong thì chuyển về sau lưng chợ Phúc Hải, Đền Trung tiết thì tháo gỡ toàn bộ cột kèo, mái ngói... chuyển đến xây cất lại tại vị trí hiện nay (di chuyển bằng xe bò); góp công sức lớn nhất ngoài dân làng sở tại còn có hai vị hương chức của làng Bình Thành lúc bấy giờ là ông Huỳnh Văn Thọ (ông Hương Cả - thầy giáo của trường Mỹ Nghệ Biên Hòa từ 1938 - 1961, nghệ nhân góm bông cuối cùng của Biên Hòa) và ông Lương Văn Lựu (nhà sử học) có tên trong bảng ghi công đức..”. Sau gần hai tháng thi công, lễ tất được tổ chức rất long trọng; đáo lệ hằng năm, dân làng đều tổ chức lễ cúng bái vào hai ngày: 16 và 17 tháng 08 âm lịch.

Có vấn đề được nêu ra: vì sao đến nơi mới, đền lại đổi tên là miếu Bình Hòa, có thờ thêm Ngũ Hành nương nương. Ngày nay trong bàn thờ không thấy bài vị của các tướng - sĩ? Có thể đoán định: định chế tế lễ, người trông coi, ngân quỹ hoạt động của đền đều do triều đình quản lý, khi Biên Hòa lọt về tay người Pháp thì các định chế ấy không còn, để duy trì trong thời loạn ấy, quả là rất khó khăn, có thể vì thế đền đổi thành miếu, đến nơi mới thì đổi tên theo địa phương, phối

---

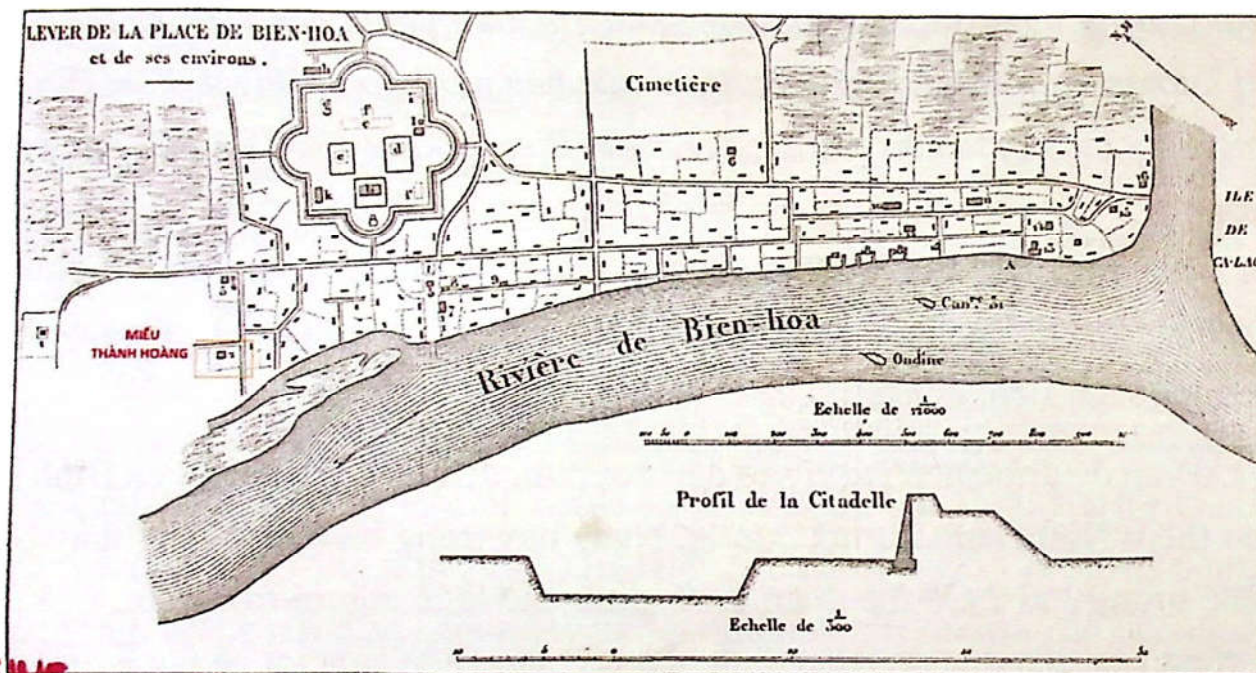
<sup>1</sup> Lời kể của bác Tư (85 tuổi), sống ở ấp Bình Thành từ năm 1947, và là thủ từ Miếu Bình Hòa từ năm 1975 đến nay.

thờ thêm các vị thần khác, nhằm thỏa mãn cho tín ngưỡng của dân sở tại (!)... Trải qua bao thăng trầm, chiến tranh, đói kém... có thời gian phong trào bài trừ mê tín, dị đoan, mang hơi hướng chủ nghĩa phong kiến suy đồi, được phát động mạnh mẽ... Miếu (đền Trung Tiết) đứng trước nguy cơ bị triệt phá, nhưng nhờ tấm lòng dân làng, ban hộ miếu kiên trì, mềm dẻo, ứng biến cho nên ngày nay, sau 180 năm hiện diện, Đền Trung tiết của Biên Hòa xưa vẫn tồn tại, làm chứng nhân của lịch sử, chứng kiến bao cuộc thay đổi, bể dâu...

### Miếu Thành Hoàng

144

L'ILLUSTRATION, JOURNAL UNIVERSEL.



1. Mât de pavillon  
2. Palais Impérial  
3. d. Habitation des mandarins  
4. M. Palais de la Cour

5. Prisons des détenus politiques.  
6. Prisons des étrangers.  
7. Magasin des armes.  
8. 1. Magasin pour les effets de campement, 2. Magasin de magasin

9. 9, 11 et 12. Pagodes.  
10 et 12. Magasins de charbon de construction.  
13. Cases militaires.  
A. Point de débarquement des troupes.

*Vị trí miếu Thành Hoàng trên họa đồ Thành Biên Hòa và các vùng phụ cận  
(Báo L'illustration, Journal Universel xuất bản tại Pháp ngày 01/3/1862,  
Lê Ngọc Quốc sưu tập)*



*Miếu Thành Hoàng (ảnh của 1 cựu quân nhân Mỹ chụp khoảng cuối thập niên 1960 - internet) (nay đổi tên là Miếu Thổ thần, tại phường Hòa Bình, Biên Hòa)*

Miếu Thành Hoàng là nơi thờ vị Thần bảo hộ, “Thành” là thành lũy và “Hoàng” là hào sâu bao bọc thành lũy. Sách Việt Nam phong tục chép: *Xét về cái tục thờ Thần hoàng (hiểu là thần Thành hoàng) này từ trước đời Tam Quốc (Trung Quốc) trở về trước vẫn đã có, nhưng ngày xưa thì nhà vua nhân có việc cầu đảo gì mới thiết đàn cúng tế mà thôi. Đến đời nhà Đường, Lý Đức Dụ làm tướng, mới bắt đầu lập miếu Thần hoàng ở Thành Đô; kể đến nhà Tống, nhà Minh, thiên hạ đâu đâu cũng có lập miếu thờ. Nước ta thuở bấy giờ đang lúc nội thuộc, tục Tàu*



truyền sang đến bên này, kể đến Đinh, Lê thì việc thờ quỷ thần đã thịnh hành rồi. Nhưng cứ xét cái chủ ý lúc trước, thì mỗi phương có danh sơn (ngọn núi có tiếng), đại xuyên (sông lớn); triều đình lập miếu thờ thần sơn xuyên (núi sông) ấy để làm chủ tế (người đứng đầu) cho việc ẩm tí một phương thôi. Kế sau, triều đình tinh biểu (làm cho thấy rõ công trạng, tiết tháo) những bậc trung thân nghĩa sĩ và những người có công lao với nước, thì cũng lập đền cho dân xã ở gần đấy thờ. Từ đó dân gian lần lần bắt chước nhau, chỗ nào cũng phải thờ một vị để làm chủ tế trong làng mình... Dân ta tin rằng: Đất có Thổ công, sông có Hà bá; cảnh thổ nào phải có Thần hoàng ấy; vậy phải thờ phụng để thần ủng hộ cho dân, vì thế mỗi ngày việc thờ thần một thịnh...

Theo các nhà nghiên cứu, thì việc thờ Thần hoàng được đề cập lần đầu tiên ở bài Chuyện thần Tô Lịch trong sách Việt điện u linh: Thời Đường Mục Tông, niên hiệu Trường Khánh thứ 2 (năm 822) quan Đô hộ Lý Nguyên Hỷ (hoặc Gia) thấy ngoài cửa bắc thành Long Biên có một dòng nước chảy ngược mà địa thế khả quan, mới tìm khắp, chọn một nơi cao ráo tốt, để có dời phủ lỵ đến đó... Nhân dịp ấy, y mới giết trâu đặt rượu, mời khắp các vị kỳ lão hương thôn đến dùng và thuật rõ là muốn tâu vua Tâu xin phụng Vương (ý nói đến thần sông Tô Lịch) làm Thành Hoàng. Trên dưới đều đồng lòng... Đến khi Cao Biền đắp thành Đại La, nghe đủ sự linh dị, thì lập tức sắm lễ điện tế, dâng cho hiệu là Đô Phủ Thành Hoàng Thần Quân. Đời Lý Thái Tổ lúc dời đô, thường mộng thấy một cụ đầu bạc, phảng phất trước bệ rồng... (Sau khi hỏi rõ lai lịch) nhà vua liền khiến quan Thái Chức (chức quan lo việc cầu đảo phúc lành) đưa rượu chè đến tế, phong làm Quốc Đô Thăng Long Thành Hoàng Đại Vương. Dân cư (đến) cầu đảo hay thẻ nguyên điều chi, thì lập tức họa phúc linh ứng ngay.



*Miếu Thổ thần năm 2016 (ảnh Lê Ngọc Quốc)*

Năm 1802 Nguyễn Ánh lên ngôi lấy hiệu là Gia Long, chọn Huế làm kinh đô, từ thời điểm ấy Huế được tu bổ, tôn tạo xây dựng thành lũy, đền đài, miếu vũ đề xứng là trung tâm chính trị, văn hóa của cả đất nước. Năm 1809, vua Gia Long cho xây miếu Đô Thành Hoàng (miếu thờ thành hoàng của thủ đô) tại phường Vệ Quốc, ở bên phải trong kinh thành Huế. Chính đường, tiền đường đều 3 gian, bên trái, bên phải phối thờ theo đều 5 gian. Ở giữa thờ Đô Thành Hoàng, hai bên cho

phôi thờ các vị Thành Hoàng của các tỉnh. Mỗi năm tế lễ 2 kỳ vào ngày trọng xuân và trọng thu, lấy ngày canh sau ngày tế đàn xã tắc. Quan võ được sai phái đến làm chủ tế. Đến năm 1890, hạ giải, trùng tu sạch đẹp hơn xưa.

Tiếp đó năm 1841 vua Thiệu Trị xuống dụ:

*“Từ trước đến giờ thần vị Thành hoàng các trực tỉnh, từng được phụ thờ ở miếu Đô Thành Hoàng tại kinh thành. Năm trước bộ Lễ nghị xin cho các hạt làm thần bài, bày thờ ở miếu Hội đồng thuộc hạt mình, rồi đổi gọi miếu Hội đồng là miếu Thành Hoàng; sau đó căn cứ các hạt tư lên bộ kê khai thần hiệu trong miếu Hội đồng, rất là không giống nhau; vì thế chuẩn cho được thờ như cũ, đợi sau lại xuống chỉ cho thi hành. Trẫm kính nói nghiệp lớn, được theo chỉ tiên đế cử hành lễ trọng, sắp đặt phẩm trật các thần, nghĩ rằng: Các thần vị trước đây thờ ở miếu Hội đồng, phần nhiều là thần thượng đẳng, giúp nước che chở dân, có công đức rõ rệt, chưa tiện cho thay đổi ngay, kiến nghị của bộ Lễ trước đây không được chu đáo, mà lòng vua do dự khá lâu, là vì thế. Nay chính như cần nhắc đó cho hợp lễ, vậy thông dụ cho các trực tỉnh được làm miếu riêng thờ thành hoàng ở nơi gần tỉnh, thành, doanh, để làm chỗ tôn thờ; còn miếu hội đồng cũ, vẫn cho phụng thờ theo như trước, không nên thay đổi. Chỗ được làm miếu riêng thờ thành hoàng, cách thức và nên cấp đồ thờ, phép thờ, thì đều do bộ Lễ, bộ Công bàn tâu xin thi hành. Phải kính tuân dụ này!”*

Thế là chuẩn lời nghị cho các địa phương đều lập lên 1 tòa miếu thờ thành hoàng ở hạt tỉnh mình, hàng năm mùa xuân mùa thu tế lễ, lễ phẩm bằng 1 bò, 1 heo, 1 mâm xôi, 2 mâm quả phẩm do viên lãnh binh, hoặc một viên quân vệ khâm mạng làm lễ. Lại chuẩn cho chiêu mộ dân ngoại tịch (dân tạm cư) lấy 5 người sung làm phu miếu.



*Bài vị trong chánh điện (ảnh Lê Ngọc Quốc)*



*Linh vị ghi “Đinh Mùi niên nhị nguyệt cát tạo”,  
nghĩa là bài vị lập vào tháng hai năm Đinh Mùi. (ảnh Lê Ngọc Quốc)*



*Bàn thờ Thổ Thần trong chánh điện (ảnh Lê Ngọc Quốc)*

Ở Biên Hòa, miếu Thành Hoàng cũng được xây dựng theo chỉ dụ của triều đình. Đây là thiết chế tín ngưỡng văn hóa quan trọng của triều đình; đến trước thời điểm Pháp xâm lược nước ta, từ phủ Thừa Thiên đến 2 đạo Hà Tĩnh, Phú Yên và 26 tỉnh từ bắc chí nam đa số đều được cho xây dựng miếu Thành Hoàng để thờ tự. Biên Hòa sử lược toàn biên- Lương Văn Lựu, tập 1 có chép:

*Miếu Thổ Thần (Ông Thổ - ấp Thành Long, xóm Chùa Một Cột) nguyên là miếu Thành Hoàng, lập từ năm Thiệu Trị nguyên niên (1841), hằng năm chọn ngày trung canh (mồng 10 tháng giêng) làm lễ giỗ.*

Theo lời của bác thủ từ miếu Thổ Thần hiện tại, sau 1975 miếu bị bỏ hoang, xuống cấp trầm trọng... nhiều năm sau dân làng sở tại cùng nhau quyên góp, xây dựng lại miếu thờ khang trang như ngày nay gọi là miếu Thổ Thần! Hàng năm lệ cúng vẫn giữ nguyên vào ngày Trung canh, mồng 10 tháng giêng Âm lịch. Hiện tại miếu có phối thờ thêm bà Thiên hậu, Quan thánh đế, Cửu thiên huyền nữ...



*Lễ cúng ngày trung canh mồng 10 tháng Giêng của miếu (ảnh Lê Ngọc Quốc).*

Nếu tính từ thời điểm năm 1841, khi vua Thiệu Trị lệnh cho các địa phương thỉnh thần hoàng bốn cảnh các trực tỉnh (đang được thờ ở miếu Đô Thành Hoàng- Huế) về thờ trực tiếp tại địa phương của mình thì đến nay miếu đã tồn tại gần 180 năm. Sau bao biến cố thăng trầm lịch sử, trong khi các di tích xưa của đất Trấn Biên năm nào như: Văn miếu, miếu Hội đồng, Đền Trung tiết, Đàn Xã tắc, Ruộng Tịch điền, Thành cổ... có cái bị hư hại, có cái bị di dời đi vị trí khác... thì Miếu Thành hoàng Biên Hòa vẫn tồn tại, hiện diện ngay nơi nền móng cũ, được tôn tạo, nhang khói thường xuyên; trong khi đó cả nước hầu như các cơ sở thờ tự Thành Hoàng xưa đều mai một! Đây cũng là một niềm tự hào của dân chúng sở tại, thật đáng trân trọng.

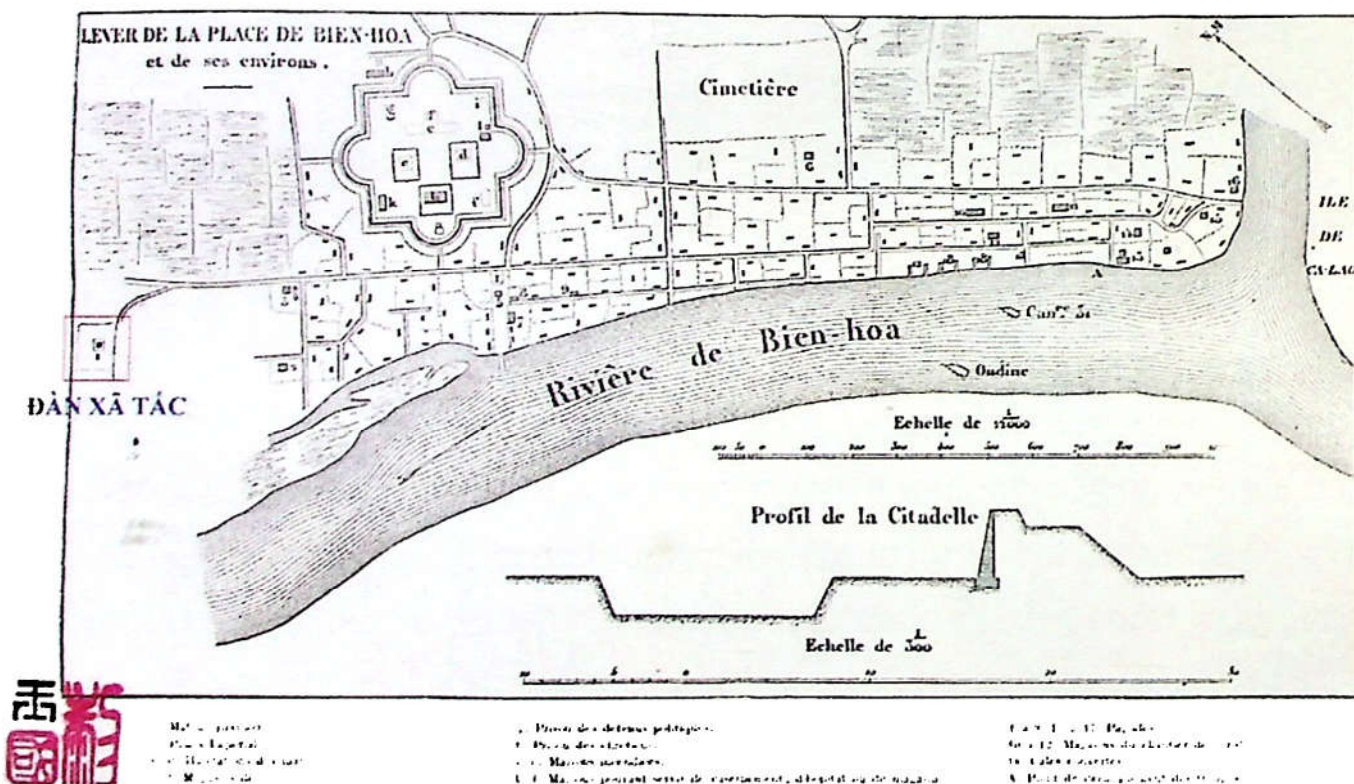
### ***Đàn Xã tắc của Thành Biên Hòa***

Đàn Xã Tắc, là một trong các loại đàn tế cổ xưa của Trung Quốc, đàn Xã Tắc là đàn được lập để tế thần Xã 社 (tức thần Đất) và thần Tắc 稷 (tức thần Lúa) hai vị thần của nền văn minh nông nghiệp. Người xưa quan niệm, dân chúng cần có đất ở, nên lập đàn Xã để tế thần Đất, lại cần có lúa ăn, nên lập đàn Tắc để tế thần Lúa. Nếu để nước mất thì sẽ mất Xã Tắc, nên Xã Tắc cũng có nghĩa là đất nước, tổ quốc; Chính vì quan niệm như thế, nên từ xa xưa, các triều đại Trung Hoa, và Việt Nam đàn Xã Tắc có vị trí vô cùng quan trọng, thiêng liêng; nên việc lập đàn, tế lễ luôn được coi trọng giữ gìn, ước mong dân giàu nước mạnh, mãi mãi trường tồn.

Khi vua Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi và định đô ở Hoa Lư năm (968) cho xây dựng cung điện, ra định chế nghi lễ triều đình, sách lập quan chức, và cho xây đàn Xã Tắc. Năm 1048, thời vua Lý Thái Tông đóng đô ở Thăng Long (Hà Nội) đàn Xã Tắc đã được xây đắp. Đàn phải được xây dựng tại địa điểm không gian thoáng đãng, cảnh vật hoàn toàn thanh tịnh, sạch sẽ. Khi một vương triều phong kiến bị



thay đổi thì đàn Xã Tắc của triều đại trước cũng bị xóa bỏ và triều đại sau sẽ tìm địa điểm mới. Thời nhà Ngô lập đàn ở Sơn Tây, nhà Đinh lập đàn ở Hoa Lư, thời nhà Lý lập đàn ở Thăng Long, Hà Nội, thời nhà Trần lập đàn ở Thiên Trường, Nam Định, thời nhà Hồ lập đàn ở Thanh Hóa, thời Tây Sơn (1788- 1801) lấy chùa Thiên Mụ - Huế làm nền đàn Xã Tắc, thời nhà Nguyễn lập đàn ở Huế (phường Thuận Hòa). Các triều đại sau luôn phế bỏ quyền thống trị của triều đại trước và đương nhiên cũng phế bỏ long mạch, linh khí liên quan đến Đàn Xã Tắc của triều đại trước, rồi dựng nên tín ngưỡng cho triều đại mình.



*Vị trí đàn Xã tắc trên họa đồ Thành Biên Hòa và các vùng phụ cận  
(Báo L'illustration, Journal Universel xuất bản tại Pháp ngày 01/3/1862,  
(Lê Ngọc Quốc sưu tập)*



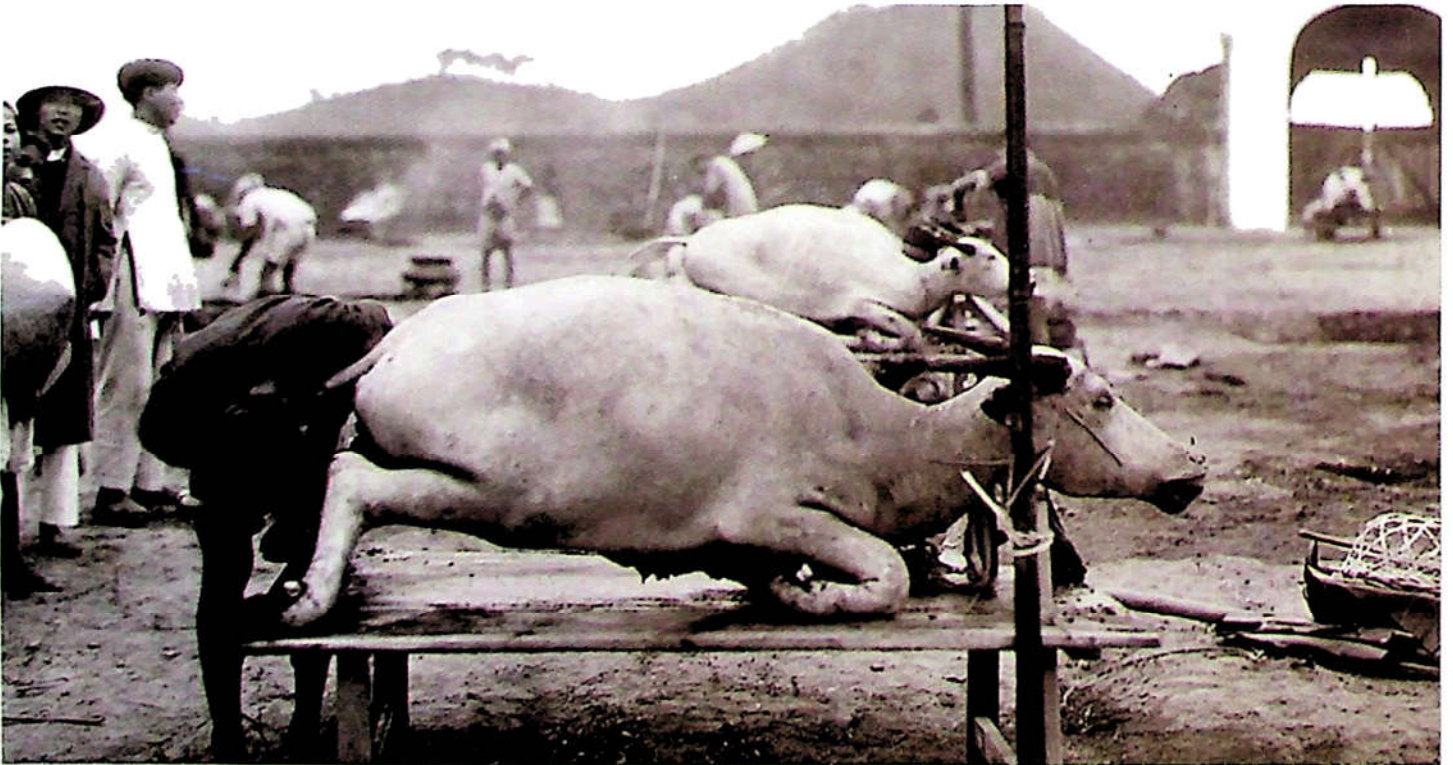
*Vị trí giả định đàn Xã Tắc xưa gần chùa Bửu Sơn trên bản đồ 1860 Carte de la province de Saïgon comprenant six départements, nay thuộc phường Hòa Bình, Biên Hòa. (nguồn: <https://www.flickr.com/photos/13476480@N07/>)*

Năm 1806 vua Gia Long cho lập đàn Xã Tắc bên trong Kinh thành Huế; hàng năm xuân thu hai kỳ nhà vua thường đích thân làm lễ cầu thần đất và thần lúa cho mùa màng tốt tươi, quốc thái dân an.

Năm 1832, Vua Minh Mạng ra chỉ dụ:

*“Ở các địa phương từ xưa đến nay chưa đặt đàn Xã Tắc, nay chuẩn cho bộ Lễ bàn bạc, thi hành xây dựng với mục đích là cầu phúc cho nhân dân”.*

Bộ Lễ đề nghị và vua Minh Mạng chuẩn y phương cách xây dựng cho các địa phương trong cả nước. Các địa phương chọn một khu đất rộng rãi, ở phía Tây bên ngoài tỉnh thành (bên phải cổng chính của trấn thành) để xây đàn Xã Tắc. Mỗi năm tế hai kỳ xuân, thu. Vật tế lễ gồm 1 trâu, 1 heo, quả phẩm và xôi đều 6 mâm (từ năm 1835 trở về sau thì chỉ dụ xôi dùng gạo nếp thu hoạch ở ruộng tịch điền làm lễ vĩnh viễn). Đến kỳ tế, quan tỉnh phải chay sạch trước. Chính ngày tế, vào khắc đầu canh năm, viên hữu tư bày biện đồ tế lễ phẩm ở đàn sở. Đàn đặt 2 bộ bài vị bằng giấy, bài vị thần đàn Xã đặt bên phải, bài vị thần Tắc đặt bên trái. Trước đàn đặt sắp hạng, cờ, giáo, và các thớt Voi cho nghiêm chỉnh, quan tỉnh cùng quan lại sở tại, đều mặt lễ phục làm lễ, cho đặt 10 dân địa phương để luôn chăm nom Đàn.



*Cúng Tam sanh theo lệ xưa (ảnh internet)*

Biên Hòa vốn là đất địa đầu của Nam Bộ, là nơi được xác lập cơ sở hành chính đầu tiên của vùng đất mới phương nam; nơi lập Biên Trấn trông coi công cuộc di dân, khai hoang lập ấp, mở mang bờ cõi. Vì thế khi chỉ dụ Minh Mạng năm 1832 vừa ban hành thì Biên Hòa cũng là một trong số các địa phương vâng lệnh, cho đắp đê Xã Tắc ngay trong năm ấy. Quy mô kiêu dáng, phương hướng đều theo hội điển do triều đình quy định.

Công việc này do quan đứng đầu tỉnh lúc bấy giờ là Võ Quýnh tuân phủ kiêm Bố chánh thực hiện. Đê được xây dựng tại phía Tây tỉnh thành, thuộc địa phận thôn Bình Thành, huyện Phước Chánh, thờ thần Xã Tắc bên phải cổng thành hướng Nam, hiện nay là khu vực cuối đường Cách mạng tháng Tám, gần hẻm 291 chùa Bửu Sơn - chùa Một Cột)<sup>1</sup>.

Như vậy, đê Xã Tắc đã được định tiêu chuẩn và là một trong những thiết chế bắt buộc của mỗi trấn thành. Đê được đắp đất sét sạch, nguyên liệu lấy từ các xã huyện trong toàn tỉnh<sup>2</sup>. Đê xây trên nền đất cao, rộng thoáng hình vuông có hai tầng:

---

1 Địa bạ Minh Mạng năm 1836 chép: *Bình Thành thôn, ở xứ Thành Tự (Chùa Thành). Đông giáp phường Bình Trúc (Bình Trước), thôn Tân Lâm, Tây giáp địa phận thôn Tân Lại, Nam giáp địa phận thôn Tân Lâm, Bắc giáp thôn Bình Điện (Phước Vinh Trung).*

- Thực canh ruộng đất 32.7.2.9: Điền tô điền 15.2.8.2 (29 sớ chủ, BTĐC 0.1.1.7-0.1.0.0 và sư tăng chùa Bửu Sơn đồng canh 0.7.0.0). Đất trồng dâu, mía 17.4.9.7 (71 sớ)

- Đất để ở 1.0.0.0

- Mộ địa 1 khoảnh.

- Đất gò đôi hoang một khoảnh.

- Đất lập Miếu Hội Đồng 1 sớ.

- Đất lập Đê Xã Tắc 1 sớ.

2 Lúc ấy Biên Hòa bao gồm cả các vùng: Một phần Bình Phước, Bình Dương, Thủ Đức, Thủ Thiêm, Bà Rịa Vũng Tàu

- Tầng trên chu vi khoảng 17m, thành cao khoảng 0,45m sơn màu vàng, mặt nền Đàn tế sơn 5 màu ở 5 phương vị: Chính giữa màu vàng, đông xanh, tây trắng, nam đỏ, bắc đen. Ở giữa có 2 am: bên phải thờ bài vị của thần Xã (thần đất), bên trái thờ bài vị của thần Tắc (thần lúa). Trên nền có bệ đá khoét lỗ để cắm tàn, lọng dù.

- Tầng dưới chu vi khoảng 120m, cao khoảng 0.85m sơn màu đỏ. Mặt trước hai bên có bệ đá có đục lỗ để cắm tàn, lọng dù. Chung quanh có lan can và trụ



*Lệ cúng đàn Xã tắc xưa (ảnh internet)*

bằng đá. Phía Bắc trở Phụng Môn (hướng về kinh đô - Vua), các hướng đông - tây - nam thì dựng cửa thường. Trước Đền cách đường lộ có hồ đá vuông làm minh đường (theo một số bộ lão địa phương, khoảng 50 năm trước còn dấu vết trong hẻm 291 - khu quán lẩu tôm Năm Ri, nay nhà dân xây dựng đã mất dấu).

Vì là nơi tế lễ quan trọng bậc nhất tỉnh, nên triều đình nhà Nguyễn chỉ dụ cho quan đầu tỉnh phải làm chủ tế. Vị quan đầu tỉnh phải trai giới, tinh khiết, giữ thân sạch sẽ trước ngày vào lễ. Ngày chánh lễ, gần giờ Tý, chủ tế quan phục, cân đai, mũ mào, xiêm áo, tề chỉnh; đi cáng từ Thành Biên Hòa đến Đền. Đoàn rước lễ đi theo thứ tự dưới ánh đuốc sáng trưng. Văn võ quan lại, binh lính trang phục nghiêm chỉnh, đoàn binh lễ mang chiêng trống, tàn lọng, cờ đuôi nheo năm sắc, 28 lá cờ nhị thập bát tú. Đội quân nhạc: loa kèn, đội ngũ lồi, cỗ nhạc. Voi, ngựa cũng đeo chuông, yên, bành màu sắc rực rỡ. Ngoài ra cũng có một kiệu gỗ chạm rồng (long đình) sơn son thếp vàng để sắc chỉ, vật quý giá, ngọc, lụa... để tế.

Đoàn xuất hành từ hướng cửa bắc (nay là hướng đường Phan Đình Phùng đi đường Nguyễn Ái Quốc, rẽ trái xuống đường Huỳnh Văn Lũy đến giáp đường Cách mạng tháng 8); lối đi lên Đền ở tầng dưới chia là 3 phần: Chính giữa giành cho “Thần” đi, Chủ tế, quan viên thì đi 2 bên. Xong đến tầng trên, làm lễ đốt một con nghé (phần sài), và chọn một ít lông và máu của con vật hiến tế (Ế mao huyết).

Khi quan viên trợ tế xướng lệnh “Đăng đàn”. Chủ tế nghiêm chỉnh bước lên Đền chánh. Các quan tuần phủ, bố chánh, án sát, thành thủ, đề lại, thông lại, thơ lại... cùng bước theo vào theo hướng hai bên bệ cấp trái, phải. Các nghi và văn cúng tương tự như nghi lễ trong các hội cúng đình Nam Bộ ngày nay. Có đội lễ sinh hàng chục người múa và đọc chúc văn khấn nguyện. Lễ tất, các thực phẩm

chia cho các quan lại theo phẩm tước. Quan chủ tế cũng có phần riêng, là ly rượu (phúc tửu) và miếng thịt (tri phúc tộ). Sau đó đoàn tế lễ trở về Thành Biên Hòa cũng theo con đường cũ, trong tiếng kèn, trống nhạc rộn rã! (*Theo Biên Hòa sử lược toàn biên 1971- Lương Văn Lựu*)

Ngày nay cũng như nhiều tỉnh trong cả nước, đàn Xã Tắc Biên Hòa đã không còn nữa, dấu tích chỉ còn được ghi chép trong sử sách (một số địa phương như Huế đã phục dựng lại). Lễ tế Thần Xã Tắc là hình thức tín ngưỡng lâu đời của cư dân nông nghiệp. Đất sinh ra cây trái, ngũ cốc để nuôi sống con người nên được coi là bậc Thần linh có sức sống mãnh liệt. Con người phải nhờ đất mà ở, nhờ thóc để ăn, nên ngày xưa từ thiên tử cho đến thần dân đều coi trọng tế Thần Xã Tắc. Hai chữ Xã Tắc còn tượng trưng cho đất nước. Xã Tắc còn nước còn, Xã Tắc mất thì nước mất.

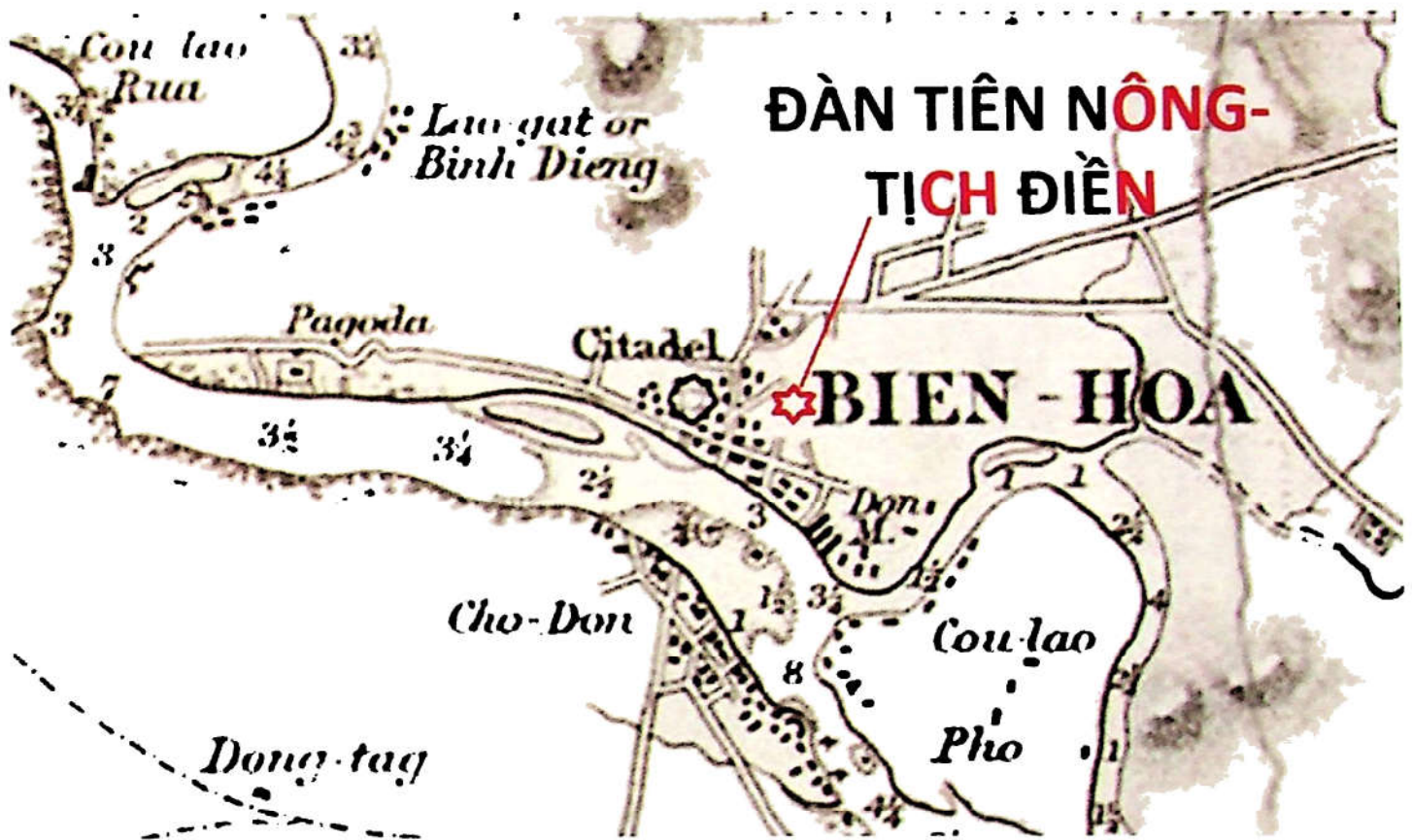


*Đàn Xã tắc được phục dựng tại Huế (ảnh internet)*

Văn cúng, văn tế hán nôm và các nghi thức, nhạc lễ hiện nay ở các đình miếu Nam Bộ có thể có nguồn gốc từ lễ tế Xã Tắc. Ngày nay tại các cơ sở văn hóa dân gian này, nó được phục dựng, phát huy mạnh mẽ góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa dân gian!

### *Đàn Tiên nông và Tịch điền của Thành Biên Hòa*

Kinh tế nước ta xưa vốn phụ thuộc về nghề trồng trọt, nên các triều đại phong kiến rất xem trọng việc phát triển nông nghiệp. Theo truyền thuyết từ xa xưa,



*Vị trí giả định đàn Tiên nông trên họa đồ Thành Biên Hòa và các vùng phụ cận  
(Báo L'illustration, Journal Universel xuất bản tại Pháp ngày 01/3/1862  
Lê Ngọc Quốc sưu tập)*